TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2020/HS-ST
Ngày: 23/3/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ma Thị Nguyên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đình Thỏa** và bà **Lê Thị Đào**

Thư ký phiên tòa: Ông **Cao Văn Thuận** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: bà **Bàn Thị Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HS ngày 18/02/2020 đối với bị cáo: **Trần Văn H,** Tên gọi khác: Trần Văn H**,** Sinh ngày 10/4/2000, tại huyện L, tỉnh L**.** Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn B, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: Lớp 9/12. Dân tộc: Tày; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn C và bà Vi Thị H; vợ; con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 22/12/2016 bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời gian thử thách 24 tháng. Ngày 25/10/2019 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng xét xử 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4 – Cục C10 – Bộ Công an theo Quyết định thi hành án số: 28/2019/QĐ-CA, ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại**: Anh Nông Văn V (tức Nông Văn V), sinh năm 1987. Trú tại: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1) Anh Nông Văn H, Sinh năm 1989. Vắng mặt

2) Chị Lương Thị T Sinh năm 1989. Vắng mặt

Đều trú tại: Thôn N, xã T, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

3) Ông Trần Văn C, sinh năm 1976. Vắng mặt

Trú tại: Thôn B, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

(Anh H, chị T, ông C đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2017, Trần Văn H đang làm thuê ở Trung Quốc có quen biết Nông Văn V, H tự giới thiệu mình với anh V tên là Hà Anh T, sinh năm 1993, trú tại thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Sau đó, H cũng không nói cho V biết tên thật của mình. Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 17/4/2018, H gọi điện thoại cho V nói đang ở nhà Nguyễn Mạnh T (sinh năm 1988) tại thôn Đ, xã P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, muốn V đến đón về nhà V chơi. Do quen biết từ trước nên V đồng ý, rồi điều khiển xe mô tô đến nhà T đón H về nhà chơi. Tối hôm đó H ngủ tại nhà V. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 18/4/2018 (tức ngày 03/3 âm lịch) gia đình V tổ chức đi tảo mộ tại khu đồi P thuộc thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, V chở H cùng đi bằng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha BKS 97B1-357.01 của Nông Văn H (em trai V). Sau khi tảo mộ xong tại khu đồi này, V nói còn tiếp tục đi tảo một mộ nữa ở bên kia đồi nhưng không thể đi xe mô tô đến nơi được. Lúc này, H nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của V. V tiếp tục sử dụng chiếc xe mô tô trên chở H di chuyển sang khu đồi thứ hai để tảo mộ, khi đi hết đoạn đường xe mô tô có thể đi được, V dừng xe lại. Do đã có ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô này từ trước nên H giả vờ kêu mệt và hỏi V mượn xe mô tô để đi về trước, V đồng ý, để chìa khóa xe cắm ở ổ khóa cho H. H tiếp tục hỏi V mượn thêm chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ViVo 1610 màu trắng màn hình cảm ứng của V đang sử dụng để chơi game và nghe nhạc. Do tin tưởng nên V đã giao chiếc xe mô tô cùng chìa khóa xe và chiếc điện thoại di động trên cho H. Sau khi được Viễn giao xe và điện thoại, H điều khiển xe môtô về nhà V, mục đích để tìm giấy tờ xe, khi bán sẽ được giá cao hơn. Đến cách nhà V khoảng 100m, H dựng xe ở vị trí để xe của gia đình rồi đi bộ sang nhà. Khi gần đến nơi, H nhìn thấy chị Lương Thị T (vợ của H) đang giặt quần áo ở bờ suối cách nhà khoảng 20m, biết không có ai ở nhà, H liền đi vào nhà và vào phòng ngủ của vợ chồng H để lục lọi tìm giấy tờ xe, vì trước đó H hỏi Viễn chiếc xe mô tô này là của ai thì được V trả lời là xe của H. Quá trình lục lọi H phát hiện trong tủ quần áo có một chiếc ví, bên trong có: 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô BKS 97B1-357.01; 01 (một) giấy phép lái xe mô tô, 01 (một) giấy phép lái xe ô tô hạng C, 01 (một) Chứng minh nhân dân và 01 (một) thẻ ATM đều mang tên Nông Văn H; 01 (một) Chứng minh nhân dân và 01 (một) giấy phép lái xe mô tô đều mang tên Lương Thị T. Khi lấy được các giấy tờ trên, H điều khiển xe mô tô BKS 97B1-357.01 đi về hướng thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Khi đến khu vực thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, H bán chiếc xe mô tô trên cùng giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nông Văn H cho một Cửa hiệu cầm đồ (H không nhớ tên và địa chỉ của Cửa hiệu cầm đồ) được số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Sau đó, H đón xe khách đi về Lạng Sơn. Khi đến gần Cửa khẩu C, thuộc xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, H vào một Nhà nghỉ ngủ qua đêm (H không nhớ tên nhà nghỉ). Để làm thủ tục đăng ký lưu trú, H đưa cho chủ Nhà

nghỉ một giấy phép lái xe ô tô mang tên Nông Văn H. Sáng hôm sau H không thanh toán tiền phòng nghỉ mà bỏ đi, để lại một giấy phép lái xe ô tô của anh H tại Nhà nghỉ trên rồi đi sang Trung Quốc. Khoảng một tháng sau, H bán chiếc điện thoại di động của anh V cho một người Trung Quốc với giá 350 nhân dân tệ (tương đương khoảng 1.100.000 đồng tiền Việt Nam). Chiếc ví và số giấy tờ còn lại H đã vứt bỏ ở Trung Quốc. Tổng số tiền có được từ việc bán chiếc xe mô tô và điện thoại di động chiếm đoạt được, H đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 26/KL-ĐGTS ngày 12/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha có giá là 13.000.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ViVo 1610 có giá là 1.200.000 đồng. Tổng về giá của tài sản là 14.200.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 04/CT-VKS-BT ngày 20/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Trần Văn H (tên gọi khác là Trần Văn H) về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Điều luật có nội dung:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo H. Đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và áp dụng khoản 1, Điều 174, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 56; Điều 104/BLHS: Xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù, tổng hợp hình phạt đối với bản án đã xét xử; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Hiếu.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường, nên không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Hiếu thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản như cáo trạng đã truy tố và nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

Người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa xác định, do lười lao động, cần tiền để chi tiêu cá nhân, nên ngày 18/4/2018 tại thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, Trần Văn H đã dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha BKS 97B1-357.01 (chủ sở hữu anh Nông Văn H) và chiếu điện thoại nhãn hiệu VIVO của anh Nông Văn V. Sau đó tiếp tục về nhà ở của V mục đích lấy giấy tờ xe để khi bán xe sẽ được giá cao. Quá trình lục lọi H đã lấy được 01 chiếc ví, bên trong có: 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô BKS 97B1-357.01; 01 (một) giấy phép lái xe mô tô, 01 (một) giấy phép lái xe ô tô hạng C, 01 (một) Chứng minh nhân dân và 01 (một) thẻ ATM đều mang tên Nông Văn H; 01 (một) Chứng minh nhân dân và 01 (một) giấy phép lái xe mô tô đều mang tên Lương Thị T. Khi lấy được các giấy tờ trên, H đã bán chiếc xe mô tô trên cùng giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nông Văn H cho một Cửa hiệu cầm đồ tại thành phố B được số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Sau đó, H đón xe khách đi về Lạng Sơn. Khi đến gần Cửa khẩu C, thuộc xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, H vào một Nhà nghỉ (H không nhớ tên nhà nghỉ) ngủ qua đêm. Để làm thủ tục đăng ký lưu trú, H đưa cho một người đàn ông tại Nhà nghỉ một giấy phép lái xe ô tô tên Nông Văn H. Sáng hôm sau, H không thanh toán tiền phòng nghỉ mà bỏ đi, để lại một giấy phép lái xe ô tô của anh Nông Văn H ở Nhà nghỉ trên rồi đi sang Trung Quốc. Khoảng một tháng sau, H bán chiếc điện thoại di động của anh V cho một người Trung Quốc với giá 350 nhân dân tệ (tương đương khoảng 1.100.000 đồng tiền Việt Nam). Tổng số tiền chiếm đoạt được, H đã chi tiêu cá nhân hết.

Bị cáo H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Xét thấy lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ căn cứ xác định việc truy tố, xét xử bị cáo Trần Văn H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1, Điều 174 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Xét tính chất hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, tuy nhiên có nhân thân xấu: Ngày 22/12/2016 đã bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Ngày 25/10/2019 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng và

được hưởng tình tiết giảm nhẹ "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải". Quá trình giải quyết vụ án bị cáo H tác động gia đình, cụ thể ông Trần Văn C (bố đẻ của bị cáo) giúp bị cáo bồi thường cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên bị cáo được hưởng tình tiết "Người phạm tội tự nguyện khắc phục, bồi thường thiệt hại" và được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự - theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51/BLHS.

[4].Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, không có tài sản nên không có khả năng thi hành do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2019/ HSST, ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng xử phạt Trần Văn H 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1, điều 173/BLHS và tổng hợp hình phạt 12 (mười hai) tháng tù tại bản án số: 51/2016/HSST ngày 22/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Buộc bị cáo Trần Văn H phải chấp hành chung cả hai bản án là 21 (hai mươi mốt) tháng tù. Bị cáo đang thi hành án theo quyết định thi hành án hình phạt tù số: 28/2019/QĐ-CA, ngày 26/11/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng. Thời hạn thụ hình từ ngày 23/7/2019. Do vậy cần phải tổng hợp hình phạt của bản án đang xét xử theo quy định tại Điều 56/BLHS.

[6].Về trách nhiệm dân sự: Ngày 31/10/2019, ông Trần Văn Cg (bố đẻ của bị cáo H) được bị cáo H tác động đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Nông Văn V giá trị chiếc điện thoại với số tiền 1.200.000 đồng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nông Văn H giá trị xe mô tô với số tiền 13.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh V, anh H vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh V, anh H không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Ông Trần Văn C quá trình giải quyết vụ án và đơn đề nghị xét xử vắng mặt không yêu cầu bị cáo H phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền ông C đã bồi thường cho anh V, anh H, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7].Trong vụ án này, anh Nông Văn H còn bị H chiếm đoạt: 01 chiếc ví; trong ví có các giấy tờ: 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô BKS 97B1-357.01; 01 (một) giấy phép lái xe mô tô; 01 (một) Chứng minh nhân dân và 01 (một) thẻ ATM đều mang tên Nông Văn H. Sau khi bị mất anh H đã làm lại các giấy tờ của cá nhân, chiếc ví da đã cũ, anh H không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường, nên Hội động xét xử không xem xét.

Đối với giấy phép lái xe ô tô hạng C mang tên Nông Văn H bị H chiếm đoạt thì anh H đã tìm lại được. Theo anh H trình bày khoảng cuối tháng 4/2018 có một người tự xưng tên Nông Văn H1 - chủ nhà nghỉ ở gần cửa khẩu C – Lạng Sơn, địa chỉ tại: thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn liên hệ với anh H để nhận lại giấy phép lái xe ô tô, sau khi trao đổi qua điện thoại anh H đồng ý trả cho anh H1 số tiền là 150.000 đồng bằng hình thức nạp qua thẻ điện thoại, sau đó anh H nhận lại được giấy phép lái xe qua đường bưu điện. Anh H không còn lưu giữ số điện thoại của anh H1, không giữ lại hóa đơn nhận hàng, không có thông tin gì thêm về anh H1 để cung cấp cho cơ quan điều tra. Quá trình xác minh không có người tên Nông Văn H1 cư trú tại thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, đồng thời xác minh tại các nhà

nghỉ gần cửa khẩu C thuộc xã Y cũng không có nhà nghỉ nào có chủ sở hữu tên Nông Văn H1 và không ai biết về sự việc này, nên không có căn cứ xác minh làm rõ. Quá trình giải quyết vụ án cũng như đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường số tiền 150.000 đồng anh H đã thanh toán cho anh H1, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chị Nguyễn Thị T bị H chiếm đoạt 01 (một) Chứng minh nhân dân và 01 (một) giấy phép lái xe mô tô đều mang tên Lương Thị T. Nay chị T đã tự làm lại các giấy tờ trên, chị T không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường, nên hội động xét xử không xem xét.

[8]. Về vật chứng*:* Các vật chứng của vụ án gồm 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha BKS 97B1-357.01; 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo; 01 (một) chiếc ví, 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô BKS 97B1-357.01; 01 (một) giấy phép lái xe mô tô, 01 (một) Chứng minh nhân dân và 01 (một) thẻ ATM đều mang tên Nông Văn H; 01 (một) Chứng minh nhân dân và 01 (một) giấy phép lái xe mô tô đều mang tên Lương Thị T, không thu hồi được.

[9]. Về án phí*:* Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

* Căn cứ khoản 1, Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 56 và Điều 104/BLHS.

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 12 (mười hai) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 21 (Hai mươi mốt) tháng tù tại bản án số: 17/2019/HSST, ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng. Buộc bị cáo phải chấp hành chung của hai bản án là: 33 (Ba mươi ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/7/2019.

* Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định./.

Nơi nhận:
- VKSND B 1;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn 1;
- CA huyện B 2;
- Bị cáo 1;
- Bị hại 1;
- NCQLNVLQ 3;
- TA tỉnh 1;
- Sở tư pháp 1;
- THADS 1;
- Lưu Hồ sơ vụ án 1;
- Lưu TA 1;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ma Thị Nguyên

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nguyễn Đình Thỏa + Lê Thị Đào

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ma Thị Nguyên